

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Luật

(Ban hành theo Quyết định số 338/QĐ-TĐHHT ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết			ĐK tiên quyết	Mức đào tạo
			LT	BT/TH	Tự học		
7.1 Kiến thức giáo dục đại cương		26					
7.1.1 Lý luận chính trị		11	7	3			
11140165	Triết học Mác-Lênin	3	30	15	90		1
11140474	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	9	60	11140165	1
11140753	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	9	60	11140165 11140474	2
11140721	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	21	9	60		3
11140209	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9	60		2
7.1.2 Khoa học xã hội		12	8	4			
- Bắt buộc		3					
31012123	Phát triển kỹ năng (NCKH, KN mềm, KN học tập, KN tìm kiếm việc làm...)	3	30	15	90	30421002	1
- Ngôn ngữ (chọn 2 học phần Tiếng Anh/Tiếng Việt)		6	4	2		Không	
30321001	Tiếng Anh cơ bản 1	3	29	26	90	30321001	1
30321002	Tiếng Anh cơ bản 2	3	29	16	90	30321002	1
30322013	Tiếng Việt nâng cao 1	3	30	15	90	CC dự bị	
30322014	Tiếng Việt nâng cao 2	3	30	15	90	30322013	1
- Tự chọn (chọn 1 trong 5 học phần)		3					
30421011	Lịch sử kinh tế quốc dân	3	30	15	90	30421002	1
30411012	Những vấn đề của thời đại	3	30	15	90	30411001	1
30411013	Chính trị học đại cương	3	30	15	90	30411001	1
30411014	Đạo đức học	3	30	15	90	30411001	1
30411015	Mỹ học	3	30	15	90	30411001	1
7.1.3. Khoa học tự nhiên		3	2	1			
30511001	Tin học đại cương	3	30	30*		Không	1
7.1.4 Giáo dục thể chất		3*					
30991111	Giáo dục thể chất 1	1*	0	30*	30	Không	1

30991112	Giáo dục thể chất 2	1*	0	30*	30	30991111	1
30992113	Giáo dục thể chất 3	1*	0	30*	30	30991111	1
7.1.5 Giáo dục quốc phòng		8					
31111001	Giáo dục quốc phòng 1	3	45	0	90		1
31111002	Giáo dục quốc phòng 2	2	30	0	60		1
31111003	Giáo dục quốc phòng 3	3	0	90*	45		1
7.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	60	34			
7.2.1 Kiến thức cơ sở của khối ngành		20					
<i>- Tự chọn (chọn 3 trong 7 học phần)</i>		9					
30421016	Lịch sử văn minh thế giới	3	30	15	90	Không	1
30422021	Đại cương văn hóa Việt Nam	3	30	15	90	Không	1
31012124	Tâm lý học đại cương	3	30	15	90	Không	1
30421017	Xã hội học đại cương	3	30	15	90	30411001	1
30411018	Logic học	3	30	15	90	30411001	1
30432101	Luật so sánh	3	30	15	90	30431102	1
30432102	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3	30	15	90	30411002	1
<i>- Bắt buộc</i>		11	7	4			
30431104	Lý luận về nhà nước và pháp luật	5	50	25	150	30411002	1
30432106	Luật Hiến pháp	3	30	15	90	30432105	1
30412019	Lịch sử các học thuyết chính trị	3	30	15	90	30411002	1
7.2.2. Kiến thức ngành và chuyên ngành		47					
30432107	Luật hành chính	3	30	15	90	30431104	1
30432108	Luật dân sự	5	50	25	150	30431104	2
30432109	Luật lao động	3	30	15	90	30431104	2
30433114	Luật hôn nhân và gia đình	3	30	15	90	30431104	2
30433118	Luật đất đai	3	30	15	90	30431104	2
30432110	Luật thương mại 1	3	30	15	90	30431104	2
30433115	Luật thương mại 2	3	30	15	90	30432110	2
30433119	Luật tài chính	3	30	15	90	30431104	2
30432111	Luật hình sự 1	3	30	15	90	30431104	2
30433116	Luật hình sự 2	3	30	15	90	30432111	2
30433120	Luật tố tụng hình sự	3	30	15	90	30433116	2
30433121	Luật tố tụng dân sự	3	30	15	90	30433113	2
30432112	Công pháp quốc tế	3	30	15	90	30431104	2
30433117	Tư pháp quốc tế	3	30	15	90	30432113	2
30433122	Luật ngân hàng	3	30	15	90	30431104	2

7.2.3 Thực tập hoặc học thuật		27						
<i>Sinh viên chọn 1 trong 2 hình thức tổ chức</i>								
<i>- Hình thức 1: Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập</i>		27						
+ Thực tập 1 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ chương trình học thuật)		9	0	405	405			3
+ Thực tập 2 và báo cáo thu hoạch thực tập (hoặc 3 học phần từ chương trình học thuật)		9	0	405	405			3
+ Thực tập tốt nghiệp và báo cáo thu hoạch Thực tập (hoặc 3 học phần từ chương trình học thuật)		9	0	405	405			3
<i>- Hình thức 2: Chương trình học thuật</i>		27	15	12				
+ 5 học phần chuyên sâu		15						
Chuyên ngành luật HC-NN (chọn 1 trong 7 học phần)								
30434128	Thanh tra và giải quyết khiếu nại tố cáo	3	30	15		30432107		3
30434129	Kỹ năng tổ chức công sở	3	30	15		30432107		3
30434130	Kỹ năng của luật sư trong tổ tụng hành chính	3	30	15		30432107		3
30434131	Xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam	3	30	15		30432106		3
30434132	Kỹ thuật xây dựng văn bản	3	30	15		30432107		3
30434126	Công chứng và chứng thực	3	30	15		30432107		3
30434127	Luật tổ tụng hành chính	3	30	15	90	30432107		3
Chuyên ngành luật dân sự (chọn 1 trong 5 học phần)								3
30434133	Luật sở hữu trí tuệ	3	30	15	90	30433113		3
30434134	Luật thi hành án dân sự	3	30	15	90	30433113		3
30434135	Luật bình đẳng giới	3	30	15	90	30433114		3
30434136	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng dân sự	3	30	15	90	30433113		3
30434137	Luật phòng, chống bạo lực gia đình	3	30	15	90	30433114		3
Chuyên ngành luật hình sự (chọn 1 trong 5 học phần)								3
30434138	Thi hành án hình sự	3	30	15	90	30433120		3
30434139	Tội phạm học	3	30	15	90	30433116		3
30434140	Tâm lý học tư pháp	3	30	15	90	30433116		3
30434141	Kỹ năng tiến hành một số HĐ tố tụng hình sự	3	30	15	90	30433120		3
30434142	Kỹ năng của luật sư trong tố tụng hình sự	3	30	15	90	30433120		3
Chuyên ngành PL kinh tế (chọn 1 trong 5 học phần)								
30434143	Luật an sinh xã hội	3	30	15	90	30433113		3
30434145	Tư vấn hợp đồng trong lĩnh vực lao động	3	30	15	90	30432109		3
30434146	Pháp luật về QLNN trong lĩnh vực thương mại	3	30	15	90	30433115		3
30434147	Pháp luật cạnh tranh	3	30	15	90	30433115		3
30434144	Luật đầu tư	3	30	15	90	30433115		3
Chuyên ngành luật quốc tế (chọn 1 trong 5 học phần)								
30434148	Luật thương mại quốc tế	3	30	15	90	30433115		3

30434149	Luật biển quốc tế	3	30	15	90	30432112	3
30434150	Pháp luật quốc tế về quyền con người	3	30	15	90	30432112	3
30434151	Lễ tân ngoại giao	3	30	15	90	30432112	3
30434152	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	30	15	90	30432112	3
+ Thực tập tốt nghiệp		6					3
30434153	Thực tập tốt nghiệp	6	0	270	270		3
+ Khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế)		6					3
30434154	Khóa luận tốt nghiệp	6	0	270	270		3
	Chọn 2 học phần/2 nhóm học phần chuyên sâu, không lặp lại các học phần đã chọn	6	60	30	180		3
Tổng khối lượng		120					

Ghi chú: Mức 1: Dạy ở Kỳ: 1, 2, 3; Mức 2: Dạy ở kỳ: 4, 5, 6; Mức 3: Dạy ở kỳ: 7, 8